

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 562/QĐ - ĐT ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Giám đốc ĐHQGHN)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế quốc tế có chất lượng cao, đạt trình độ quốc tế có năng lực tổng hợp, phân tích và trợ giúp hoạch định, tổ chức thực thi các chính sách, cũng như lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài tại các cơ quan chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn, tổng công ty hay doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài; có năng lực tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đại học; có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và các lĩnh vực liên quan.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Kiến thức

- Hiểu bối cảnh và tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam được truyền tải trong khối kiến thức chung và vận dụng vào nghề nghiệp và cuộc sống.
- Hiểu và áp dụng các kiến thức theo lĩnh vực như toán, khoa học tự nhiên và kiến thức theo khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho nhóm ngành kinh tế.
- Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành kinh tế quốc tế.
- Hiểu và áp dụng các kiến thức về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư nước ngoài để luận giải các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.
- Tổng hợp, phân tích và đánh giá một số chính sách về quan hệ thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư nước ngoài thông qua các kiến thức ngành kinh tế quốc tế và kiến nghị giải pháp.
- Áp dụng và tổng hợp kiến thức ngành kinh tế quốc tế để hình thành các ý tưởng, xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các phương án, dự án hay chính sách về kinh tế quốc tế.
- Áp dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực kinh tế quốc tế để hội nhập nhanh với môi trường công việc trong tương lai.

1.2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế quốc tế như phát hiện và hình thành vấn đề, đánh giá, phân tích, tổng hợp và đưa ra giải pháp kiến nghị.
- Có khả năng tư duy theo hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề nói chung và thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế nói riêng trong các bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và trong các tổ chức khác nhau.
- Có khả năng nghiên cứu khoa học và khám phá kiến thức, đặc biệt là các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế quốc tế và kinh doanh quốc tế.
- Có các kỹ năng, kỹ thuật nghề nghiệp như kỹ thuật nghiệp vụ thương mại, khả năng lập kế hoạch dự án nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh, kỹ thuật phân tích tài chính quốc tế và kỹ năng xử lý các vấn đề thực tiễn của kinh tế đối ngoại ở nước ta.
- Có năng lực vận dụng sáng tạo và linh hoạt kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; bước đầu hình thành năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

- Kỹ năng mềm

- Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, có kỹ năng quản lý thời gian công việc, có khả năng hình thành nhóm, phát triển nhóm, làm việc nhóm, có kỹ năng quản lý và lãnh đạo.
- Có khả năng học và tự học suốt đời để cập nhật và bắt nhịp với các xu thế mới của thời đại.
- Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và văn bản; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp được bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 5.5 trở lên.
- Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và phần mềm thống kê (SPSS, EViews...); có thể sử dụng thành thạo internet và các thiết bị văn phòng.

1.2.3. Về phẩm chất đạo đức.

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, có tinh thần tự tôn, ...
- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Say mê nghiên cứu, khám phá kiến thức và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa.
- Có các phẩm chất đạo đức xã hội: Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng.

1.2.4. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp.

Nhóm 1 - Chuyên viên hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách, nghiên cứu viên và giảng viên

- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ lý hay chuyên viên hỗ trợ hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các vấn đề liên quan đến thương mại quốc tế, tài chính quốc tế và đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài tại các Bộ, Ban, Ngành, địa phương, cơ quan quản lý của Chính phủ; triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên gia phân tích, tư vấn chính sách trong các lĩnh vực này.
- Có khả năng đảm nhận các công việc trợ giúp và tham gia xây dựng, theo dõi, phân tích và tư vấn các dự án quốc tế tại các tổ chức quốc tế như các tổ chức của Liên Hiệp Quốc (UN), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức lao động quốc tế (ILO) hay các tổ chức phi chính phủ quốc tế (iNGOs).
- Có khả năng tham gia nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến kinh tế quốc tế, kinh tế đối ngoại Việt Nam, thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư nước ngoài; triển vọng trong tương lai có thể trở thành nghiên cứu viên và giảng viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế.

Nhóm 2 - Chuyên viên kế hoạch, kinh doanh và đối ngoại tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước

- Có khả năng đảm nhận các công việc liên quan đến lập kế hoạch, giám sát hay thực thi về chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, logistics, phát triển thị trường quốc tế, tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng thương mại quốc tế tại các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty doanh nghiệp nhà nước, các công ty Đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài; triển vọng có thể trở thành nhà quản lý hay doanh nhân trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh quốc tế.

2. Nội dung chương trình

2.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 140 tín chỉ, trong đó:

- | | |
|--|--------------------|
| - Khối kiến thức chung: | 32 tín chỉ |
| <i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i> | |
| - Khối kiến thức theo lĩnh vực: | 10 tín chỉ |
| - Khối kiến thức theo khối ngành: | 18 tín chỉ |
| <i>Bắt buộc:</i> | <i>16 tín chỉ</i> |
| <i>Tự chọn:</i> | <i>2/8 tín chỉ</i> |
| - Khối kiến thức theo nhóm ngành: | 22 tín chỉ |

- Bắt buộc:* 19 tín chỉ
Tự chọn: 3/12 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành: 45 tín chỉ
Bắt buộc: 21 tín chỉ
Tự chọn: 24/45 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 13 tín chỉ

2.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các môn học 10-12)	32				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105	Tiếng Anh A1	4	16	40	4	
7	FLF1106	Tiếng Anh A2	5	20	50	5	FLF1105
8	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	50	5	FLF1106
9	FLF1108	Tiếng Anh B2***	5	20	50	5	FLF1107
10		Giáo dục thể chất	4				
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh	7				
12		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	10				
13	MAT1092	Toán cao cấp	4	42	18		
14	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
15	MAT1005	Toán kinh tế	3	27	18		BSA1053
III		Khối kiến thức theo khối ngành	18				
<i>III.1</i>		<i>Các môn học bắt buộc</i>	<i>16</i>				
16	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	23	5	2	

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
17	INE1150-E	Kinh tế vi mô 1**	4	45	10	5	
18	INE1151-E	Kinh tế vĩ mô 1**	4	45	10	5	
19	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	30	15		MAT1101
20	INE1052	Kinh tế lượng*	3	24	21		INT1004 INE1151-E BSA1053
III.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	2/8				
21	BSA1022	Lãnh đạo và giao tiếp nhóm	2	20	10		
22	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	22	7	1	
23	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	15	12	3	
24	PHI1051	Lô gíc học	2	20	6	4	
IV		Khối kiến thức theo nhóm ngành	22				
IV.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	19				
25	BSL2050	Luật kinh tế	2	15	13	2	THL1057
26	INE1016	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	30	15		INE1151-E
27	INE2101-E	Kinh tế vi mô 2**	4	45	15		INE1150-E
28	INE2102-E	Kinh tế vĩ mô 2 **	4	45	15		INE1151-E
29	INE2003	Kinh tế phát triển	3	29	16		INE1151-E
30	PEC1050	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	35	10		
IV.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	3/12				
31	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	27	18		
32	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh	3	27	18		
33	BSA2002	Nguyên lý Marketing	3	21	23	1	
34	BSA2004	Nhập môn quản trị học	3	35	10		
V		Khối kiến thức ngành	45				
V.1		<i>Các môn học bắt buộc</i>	21				
35	PEC3008	Kinh tế chính trị quốc tế***	3	35	10		INE1150-E INE1151-E
36	INE2020-E	Kinh tế quốc tế ***	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
37	INE3001-E	Thương mại quốc tế	3	28	17		INE1150-E INE1151-E

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
38	INE3070	Nhà nước và công ty toàn cầu	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
39	INE3003-E	Tài chính quốc tế	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
40	INE3071	Quản trị trong nền kinh tế toàn cầu	3	36	9		INE1150-E INE1151-E
41	INE3072-E	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	28	17		INE1150-E INE1151-E
V.2		<i>Các môn học tự chọn</i>	24/45				
V.2.1		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	12/24				
V.2.1.1		<i>Các môn học chuyên sâu về lĩnh vực Kinh tế thế giới và Quan hệ kinh tế quốc tế</i>	12				
42	INE3073	Chính sách kinh tế đối ngoại Việt Nam	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
43	INE3002E	Đầu tư quốc tế	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
44	INE3074	Các vấn đề chính sách trong nền kinh tế quốc tế	3	34	11		INE1150-E INE1151-E
45	INE3109	Toàn cầu hóa và khu vực hóa trong nền kinh tế thế giới	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
V.2.1.2		<i>Các môn học chuyên sâu về lĩnh vực kinh doanh có yếu tố nước ngoài</i>	12				
46	INE3060	Kinh tế thương mại điện tử	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
47	BSA3001	Marketing quốc tế	3	30	15		BSA2002
48	INE3066	Quản trị tài chính quốc tế	3	26	19		INE1150-E INE1151-E
49	INE3106	Thanh toán quốc tế	3	30	15		INE1151-E
V.2.2		<i>Các môn học bổ trợ</i>	12/21				
50	INE3061	Nghèo đói và chính sách công	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
51	INE3062	Kinh tế Đông Á và Đông Nam Á	3	30	15		INE1150-E INE1151-E

Số TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
52	INE2018	Phân tích chi phí và lợi ích	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
53	FIB2001	Tiền tệ - ngân hàng	3	30	15		INE1151-E
54	INE3156	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
55	INE3067	Lý thuyết trò chơi	3	30	15		INE1150-E INE1151-E
56	INE2004	Kinh tế môi trường	3	30	15		INE1151-E
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	13				
<i>VI.1</i>		<i>Thực tập và niên luận</i>	<i>6</i>				
57	INE4056	Thực tập thực tế	2	5	20	5	
58	INE4050-E	Niên luận	4			60	
<i>VI.2</i>		<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	<i>7</i>				
59	INE4057-E	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		Cộng	140				

Ghi chú:

- (*) - Là môn học nâng cao, giữ nguyên số tín chỉ so với chương trình đào tạo chuẩn
- (**) - Là môn học nâng cao và tăng số tín chỉ so với chương trình đào tạo chuẩn
- (***) - Là môn học bổ sung mới mà chương trình đào tạo chuẩn chưa có
- (E) - Mã môn học có ký tự 'E' sẽ được giảng dạy bằng Tiếng Anh